TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN PHONG** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18/11/2019

V/v *" Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Chu Minh Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Tiến.
2. Ông Tạ Xuân Xế.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện VKSND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/11/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2019/TLST - HNGĐ, ngày 19/8/2019 về việc " Tranh chấp về hôn nhân và gia đình " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/11/2019 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1988; HKTT: Thôn N, xã T, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái D, sinh năm 1983; HKTT: Thôn N, xã T, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bầy thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Thái D đăng ký kết hôn ngày 28/7/2011 tại UBND xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn chị H và anh D có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh D ở thôn N, xã T, huyện YP và tình cảm vợ chồng hòa thuận. Khoảng năm 2014 vợ chồng làm nhà ra ở riêng trên phần đất của bố mẹ chồng cho cũng tại thôn N, xã tam G. Theo chị H mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trong khoảng năm 2016 nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Mâu thuẫn trầm trọng là vào khoảng năm 2018 và nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong quá trình chung sống. Vợ chồng tuy vẫn sống cùng nhau nhưng

thật sự không còn tình cảm chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thái D.

Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo Ch, sinh ngày 13/11/2012. Khi ly hôn chị H xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Ch.

Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống năm 2018 vợ chồng xây dựng được 01 ngôi nhà 03 tầng diện tích 220m^2 trên thửa đất số 512, tờ bản đồ số 21, địa chỉ thửa đất tại thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang, huyện Yên Phong. Nguồn gốc thửa đất này là của bố mẹ anh D tặng cho riêng anh D. Khi ly hôn chị H đề nghị Tòa án chia đôi giá trị tài sản chung là ngôi nhà 03 tầng cho 02 vợ chồng. Chị xin nhận bằng tiền và đồng ý để anh D được sử dụng toàn bộ ngôi nhà. Về thửa đất chị không yêu cầu Tòa giải quyết vì thửa đất này là của anh D được tặng cho riêng.

Về công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Thái D công nhận phần trình bầy của chị H về quan hệ vợ chồng và con chung là đúng. Theo anh D mâu thuẫn vợ chồng là có thật và nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong quá trình chung sống. Nay chị H làm đơn xin ly hôn với anh gửi Tòa án anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo Ch, sinh ngày 13/11/2012. Khi ly hôn anh D xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Ch.

Về cấp dưỡng: Anh D không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Theo anh D quá trinh chung sống năm 2018 vợ chồng xây dựng được 01 ngôi nhà 03 tầng diện tích 220m^2 trên thửa đất số 512, tờ bản đồ số 21, địa chỉ thửa đất tại thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang, huyện Yên Phong. Nguồn gốc thửa đất này là của bố mẹ anh tặng cho riêng anh. Về nguồn tiền xây dựng ngôi nhà là do hai bên gia đình giúp đỡ, ngoài ra vợ chồng có vay mượn thêm. Khi ly hôn anh chỉ đồng ý trích trả cho chị H 120.000.000 đồng.

Về công nợ: Anh D trình bầy vợ chồng có vay 380.000.000 đồng khi làm nhà và anh cũng xác nhận quá trình Tòa thụ lý giải quyết vụ án anh không yêu cầu Tòa giải quyết về công nợ.

Theo yêu cầu của chị H Tòa án đã tiến hành xem thẩm định và định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 15/10/2019 Hội đồng định giá kết luận về trị tài sản như sau:

Ngôi nhà 03 tầng diện tích 220m^2 trị giá: 220m^2 x 3.834.000 đồng/m^2 x 95% = 801.306.000 đồng.

Các đồ dùng sinh hoạt khác trong gia đình Hội đồng không định giá do các đương sự không yêu cầu.

Tại phiên toà: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thái D.

Về con chung: Khi ly hôn chị H xin được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Châu.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà 03 tầng theo quy định của pháp luật.

Về công nợ: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Thái D đồng ý lý hôn với chị H.

Về con chung: Khi ly hôn anh D xin được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Châu

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

Về tài sản chung: Anh chỉ đồng ý trích chia cho chị H 120.000.000 đồng.

Về công nợ: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Yên Phong phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX.

Căn cứ Điều 51, 55, 59, 60, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Thái D.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo Ch, sinh ngày 13/11/2012 cho chị H nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng: Không xem xét do chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung: Giao cho anh D được sử dụng ngôi nhà 03 tầng trị giá theo định giá là 801.306.000 đồng nhưng anh D phải trích chia cho chị H ½ giá trị ngôi nhà là 400.653.000 đồng.

Về công nợ chung: Không đặt ra xem xét do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Thái D đăng ký kết hôn ngày 28/7/2011 tại UBND xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn chị H và anh D có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D là có thật và nguyên nhân là do vợ

chồng bất đồng quan điểm trong quá trình chung sống, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau. Từ những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày nhưng không được các bên giải quyết triệt để dẫn đến quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng. Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh D vì vợ chồng không còn tình cảm. Anh D cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thất và anh cũng đồng ý ly hôn với chị H. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa anh D và chị H đều thỏa thuận tự nguyện ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được căn cứ theo điều 55 Luật hôn nhân và gia đình cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị H và anh D.

[3] Về con chung: Chị H và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo Ch, sinh ngày 13/11/2012. Khi ly hôn cả chị H và anh D đều xin được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Châu. Xét điều kiện thực tế của chị H và anh D cũng như để đảm bảo mọi quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Ch tại thời điểm hiện tại cần giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo Ch, sinh ngày 13/11/2012 cho chị H nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của cháu Ch là muốn được ở với mẹ, hơn nữa cháu là con gái nên cần nhiều sự chăm sóc hơn từ người mẹ.

Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét do chị H không yêu cầu.

Anh D được quyền thăm nom con chung song không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của chị H và cháu Ch. Không ai được cản trở quyền này của anh D.

[4] Về tài sản chung: Quá trình chung sống năm 2018 vợ chồng xây dựng 01 ngôi nhà 03 tầng, tổng diện tích 220m^2 trên thửa đất số 251, tờ bản đồ số 21, tại thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang, huyện Yên Phong. Khi ly hôn chị H đề nghị chia đôi giá trị ngôi nhà theo định giá, chị xin nhận bằng tiền và đồng ý để anh D được sử dụng ngôi nhà.

Xét thấy ngôi nhà 03 tầng diện tích 220m^2, trị giá 801.306.000 đồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân còn tồn tại, vợ chồng cùng đóng góp công sức để tạo lập nên.

Xét công sức đóng góp cũng như để thuận lợi cho việc sử dụng sau này tài sản chung của vợ chồng được chia như sau.

Giao cho anh D được quyền sở hữu và sử dụng ngôi nhà 03 tầng, diện tích 220m^2 trị giá 801.306.000 đồng song anh D phải trích chia bằng tiền cho chị H số tiền là 350.000.000 đồng.

Chị H được nhận số tiền là 350.000.000 đồng do anh D trích trả.

Đối với thửa đất số 251, tờ bản đồ số 21, tại thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang cả anh D và chị H đều xác nhận đây là tài sản của anh D được tặng cho riêng và không yêu cầu giải quyết do vậy không đặt ra xem xét.

Đối với những đồ dùng sinh hoạt khác trong gia đình nguyên đơn là chị H không yêu cầu Tòa giải quyết do vậy không đặt ra xem xét.

Về công nợ: Không đặt ra xem xét do các đương sự không yên cầu.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Chị H, anh D mỗi người phải chịu ½ số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận chị H đã nộp 5.000.000 đồng để chi phí cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản nên anh D phải nộp trả chị H 2.500.000 đồng.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị H phải chịu 17.500.000 đồng án phí chia tài sản chung; anh D phải chịu 22.052.240 đồng án phí chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 147, 239, 243, 248, 260, 264, 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 59, 60, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Thái D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo Ch, sinh ngày 13/11/2012 cho chị H nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét do chị H không yêu cầu.

Anh D được quyền thăm nom con chung song không được làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của chị H và cháu Châu. Không ai được cản trở quyền này của anh D.

3. Về tài sản chung: Xác nhận ngôi nhà 03 tầng, diện tích 220m^2, xây dựng trên thửa đất số 251, tờ bản đồ số 21, tại thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang, huyện Yên Phong trị giá 801.306.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng.

Xét công sức đóng góp tài sản chung của vợ chồng được chia như sau.

Giao cho anh D được quyền sở hữu và sử dụng ngôi nhà 03 tầng, diện tích 220m^2 trị giá 801.306.000 đồng (tám trăm linh một triệu, ba trăm linh sáu nghìn đồng) song anh D phải trích chia bằng tiền cho chị H số tiền là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Chị H được nhận số tiền là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) do anh D trích trả.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án nếu người phải thi hành án không tự giác thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi anh D thanh toán trả cho chị H đầy đủ anh D có quyền và nghĩa vụ đến các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất theo quy định của pháp luật.

Đối với thửa đất số 251, tờ bản đồ số 21, tại thôn Nguyệt Cầu, xã Tam Giang cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận đây là tài sản của anh D được tặng cho riêng và không yêu cầu giải quyết do vậy không đặt ra xem xét.

Đối với những đồ dùng sinh hoạt khác trong gia đình nguyên đơn là chị H không yêu cầu Tòa giải quyết do vậy không đặt ra xem xét.

Về công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Chị H, anh D mỗi người phải chịu ½ số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận chị H đã nộp 5.000.000 đồng để chi phí cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản nên anh D phải nộp trả chị H 2.500.000 đồng.

5. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị H phải chịu 17.500.000 đồng (mười bẩy triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung; anh D phải chịu 22.052.240 đồng (hai mươi hai triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi đồng) án phí chia tài sản chung. Xác nhận chị Hoàng Thị H đã nộp 12. 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số: AA/2018/0001160 ngày 12/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng khác.
- THA huyện Yên Phong.
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Chu Minh Nam